

TT01(2)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 45/2014/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2014

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: S..... Ngày: 19/8.....

QUYẾT ĐỊNH

Về chế độ phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp
đối với người làm việc trong các đơn vị thuộc lĩnh vực
năng lượng nguyên tử của Bộ Khoa học và Công nghệ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Năng lượng nguyên tử ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 07/2010/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về chế độ phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp đối với người làm việc trong các đơn vị thuộc lĩnh vực năng lượng nguyên tử của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chế độ phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp đối với người hưởng lương từ ngân sách nhà nước làm việc tại Cục Năng lượng nguyên tử, Cục An toàn bức xạ và hạt nhân, Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Công chức, viên chức và người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động đã được xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Điều 3. Mức phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp

Mức phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp được tính trên mức lương theo ngạch, bậc hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) gồm các mức sau đây:

1. Mức phụ cấp 70% áp dụng đối với người làm việc trực tiếp, thường xuyên tiếp xúc với nguồn bức xạ.
2. Mức phụ cấp 50% áp dụng đối với người làm việc hành chính, phục vụ trực tiếp tại các cơ sở mà có nguy cơ nhiễm xạ.
3. Mức phụ cấp 40% áp dụng đối với người làm việc gián tiếp, không thường xuyên tiếp xúc với nguồn bức xạ.
4. Mức phụ cấp 20% áp dụng với người làm việc hành chính, phục vụ không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 4. Thời gian không được tính hưởng phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp đối với người làm việc trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử

1. Đi công tác, làm việc, học tập ở nước ngoài hưởng 40% tiền lương theo quy định tại Khoản 4 Điều 8 Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.
2. Đi công tác, học tập trong nước không trực tiếp làm các công việc được phân công thuộc lĩnh vực năng lượng nguyên tử liên tục từ 06 (sáu) tháng trở lên.
3. Nghỉ việc riêng không hưởng lương liên tục từ 03 (ba) tháng trở lên, trừ trường hợp nghỉ để chữa bệnh.
4. Nghỉ việc hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội (tính tròn tháng).

5. Bị tạm giữ, tạm giam theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc thời gian bị đình chỉ công tác (tính tròn tháng).

6. Đi công tác, làm các công việc khác không thuộc lĩnh vực năng lượng nguyên tử liên tục từ 06 (sáu) tháng trở lên theo quyết định điều động của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 5. Nguồn kinh phí chi trả

Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp quy định tại Quyết định này được bảo đảm bằng nguồn ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 6. Nguyên tắc áp dụng

1. Trường hợp đối tượng quy định tại Điều 2 Quyết định này thuộc đối tượng hưởng của các chế độ phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp khác nhau thì chỉ được hưởng một chế độ phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp có mức hưởng cao nhất, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Trường hợp đối tượng quy định tại Điều 2 Quyết định này kiêm nhiệm nhiều công việc khác nhau thì chỉ được hưởng mức phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp tương ứng với vị trí công việc theo chức năng, nhiệm vụ chính hoặc theo quy định về biên chế của đơn vị.

3. Phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp quy định tại Điều 3 Quyết định này được tính trả cùng kỳ lương hàng tháng và không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2014.

2. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện Quyết định này.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HEND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (3).KN **140**

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng